

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 61 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 21 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Hello Quốc tế Việt Nam tại Công văn số 02/HELLO-MT ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 1405-25/CV-TƯ HẠ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tứ Hạ giai đoạn 1 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 1181/TTr-KKTCN ngày 19 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Hello Quốc tế Việt Nam, địa chỉ tại đường số 04, Cụm công nghiệp An Hòa, phường An Hòa, quận Phú Xuân,

thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tứ Hạ giai đoạn 1 với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tứ Hạ giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6532655611, được Ban Quản lý các Khu công nghiệp (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp) chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2014; chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 5 năm 2023.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3300363930, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 7 năm 2020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Tứ Hạ để phục vụ cho các dự án sản xuất công nghiệp. Các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bao gồm:

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất, chế biến thực phẩm	C	10			
Chế biến và bảo quản rau quả			103	1030	
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa			105	1050	10500
Xay xát và sản xuất bột			106		
Sản xuất các loại bánh từ bột			107	1071	10710
Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo				1073	10730
Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự				1074	10740
Sản xuất đồ uống	C	11			
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng			110	1104	
Dệt (không có công đoạn nhuộm)	C	13			
Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt			131		
Sản xuất các sản phẩm được tạo ra từ vải dệt khác chưa được phân vào đâu			139		

Sản xuất trang phục (không có công đoạn nhuộm)	C	14			
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không có công đoạn thuộc da)	C	15			
Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm			151	1512	
Sản xuất giày, dép các loại			152	1520	15200
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C	16			
Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện			162		
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm công đoạn sản xuất giấy từ gỗ, bột giấy và giấy tái chế, ...)	C	17			
Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa			170	1702	
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu				1709	17090
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C	21			
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C	25			
Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi			251		
Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng			259	2593	25930
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu				2599	
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không có công đoạn mạ, xi mạ; phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất; làm sạch bằng hóa chất độc)	C	26			
Sản xuất linh kiện điện tử			261	2610	26100
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính			262	2620	26200
Sản xuất thiết bị truyền thông			263	2630	26300
Sản phẩm điện tử dân dụng			264	2640	26400
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra			265	2651	26510
Sản xuất thiết bị điện (không có công đoạn mạ, xi mạ; phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất; làm sạch bằng hóa chất độc)	C	27			
Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện			271	2710	

Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng			274	2740	27400
Sản xuất thiết bị điện khác			279	2790	27900
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu	C	28			
Sản xuất máy thông dụng			281		
Sản xuất máy chuyên dụng			282		
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C	31	310	3100	
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C	32			
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C	33			
Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H	52			
Hoạt động kinh doanh bất động sản	L	68			
Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	M	70			
Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	N	82			
Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác	R	96			

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 37,6 ha.
- Dự án có tiêu chí thuộc dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 ngày 01 năm 2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép

môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Hello Quốc tế Việt Nam có trách nhiệm.

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng quy định.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thị xã Hương Trà;
- Công ty Cổ phần Hello Quốc tế Việt Nam;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61/GPMT-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên từ Nhà điều hành dịch vụ CC-01 và Nhà điều hành dịch vụ CC-02;
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư trong Khu công nghiệp Tứ Hạ;
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động ép bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hói Bảy Xã.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hói Bảy Xã, vị trí thuộc phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, thành phố Huế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00'$, múi chiếu 3°): $X = 551402,35$; $Y = 1825489,94$.

- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải

Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Được miễn quan trắc định kỳ	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6-9		
3	TSS	mg/l	49,5		
4	COD	mg/l	74,25		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95		
6	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7	03 tháng/lần	Không yêu cầu
7	Độ màu	Co-Pt	50		
8	Asen (As)	mg/l	0,0495		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,00495		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,099		
11	Cadimi (Cd)	mg/l	0,0495		
12	Crom (VI) (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,0495		
13	Crom (III) (Cr ³⁺)	mg/l	0,198		
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,98		
15	Kẽm (Zn)	mg/l	2,97		
16	Niken (Ni)	mg/l	0,198		
17	Mangan (Mn)	mg/l	0,495		
18	Sắt (Fe)	mg/l	0,99		
19	Tổng Xianua	mg/l	0,0693		
20	Tổng phenol	mg/l	0,099		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
22	Sunfua	mg/l	0,198		
23	Florua	mg/l	4,95		
24	Tổng nito	mg/l	19,8		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96		
26	Clorua (Cl-)	mg/l	495		
27	Clo dư	mg/l	0,99		

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
28	Coliform	MPN/100ml	3.000	03 tháng/lần	Không yêu cầu
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0495	01 năm/lần	Không yêu cầu
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,297		
33	Tổng PCBs	mg/l	0,00297		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Các nguồn nước thải phát sinh tại Khu công nghiệp Tứ Hạ được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung mô-đun 1, công suất 400 m³/ngày.đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải được thu gom bằng hệ thống ống cống bê tông cốt thép đường kính D400 và D600; vị trí chôn ống cách chỉ giới đường đỏ 1,3 m; độ sâu chôn ống tối thiểu 01 m. Trên các tuyến ống thu gom nước thải, xây dựng hố ga bằng gạch, hình chữ nhật, kích thước khoảng 0,5 m x 0,5 m với độ sâu dao động từ 1,5 m ÷ 3,5 m; khoảng cách giữa các hố ga khoảng 30 m.

- Khối lượng hạng mục đường ống thu gom nước thải của khu công nghiệp đã được xây dựng khoảng 1.341 m; các loại ống bê tông cốt thép đường kính D400 và D600.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ dự án đã xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tứ Hạ giai đoạn 1, mô-đun 1, công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học kỵ khí, Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Hồ sự cố → Nguồn tiếp nhận (hỏi Bảy Xã).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, chất dinh dưỡng, hóa chất khử trùng NaOCl, A-Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống (đã lắp đặt).
- Vị trí: Mương quan trắc sau bể khử trùng, trước khi chảy vào Hồ sự cố.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: Đã lắp đặt thiết bị camera giám sát hoạt động của Hệ thống quan trắc, tự động liên tục.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền về Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thành phố Huế, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đã xây dựng 01 Hồ ứng phó sự cố với dung tích khoảng 6.000 m³, vị trí nằm trong khuôn viên khu đất của Hệ thống xử lý nước thải tập trung; có chức năng lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp mô đun 01 của Hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp phát hiện chất lượng nước thải không đạt quy định sau khi xử lý (thông qua kết quả quan trắc tự động, liên tục; quan trắc định kỳ; từ các dấu hiệu bất thường hoặc phương pháp xác định khác), cán bộ vận hành khóa van để dừng xả thải vào Hồ sự cố, bơm nước thải quay trở lại Bể điều hòa để tiếp tục được xử lý và tiến hành rà soát, khắc phục. Cụm bể xử lý nước thải có khả năng lưu chứa khoảng 31 giờ. Nếu vượt quá thời gian/dung tích lưu chứa của các bể của Hệ thống xử lý nước thải mà vẫn chưa khắc phục được, cán bộ

vận hành mở van để xả nước thải vào Hồ sự cố; đồng thời, tiến hành khóa cửa xả nước thải từ Hồ sự cố ra môi trường (hỏi Bảy Xã); tiếp tục rà soát, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, nước thải được bơm trở lại Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải để xử lý đảm bảo đạt quy định.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: Thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Độ màu	Co-Pt	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	TSS	mg/l	100
7	Asen (As)	mg/l	0,1
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01
9	Chì (Pb)	mg/l	0,5
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1
11	Crom (VI) (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,1
12	Crom (III) (Cr ³⁺)	mg/l	1
13	Đồng (Cu)	mg/l	2
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3
15	Niken (Ni)	mg/l	0,5
16	Mangan (Mn)	mg/l	1

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận
17	Sắt (Fe)	mg/l	5
18	Tổng Xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	MPN/ 100ml	5.000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
33	Tổng PCBs	mg/l	0,01

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tứ Hạ giai đoạn 1, mô-đun 1, công suất 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Bể thu gom nước thải đầu vào.
- Điểm lấy mẫu tại mương quan trắc của mô đun 01 của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định, bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ mọi hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường, ổn định. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp để thu gom nước thải của các cơ sở thứ cấp với tính chất ô nhiễm khác nhau theo đúng quy hoạch, tiến độ thực hiện dự án và xử lý nước thải theo đúng tính chất, thành phần nước thải phát sinh.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục, đảm bảo hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Quá trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy trình công nghệ thiết kế; có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải, phân định chất thải gửi Ban Quản lý Khu kinh tế,

công nghiệp thành phố trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế và hoàn thành đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.8. Lập kế hoạch xây dựng các mô-đun tiếp theo của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo quy mô công suất phù hợp với tiến độ lắp đầy, hoạt động của các cơ sở trong giai đoạn trước mắt và tình hình thu hút, tiếp nhận các dự án mới, dự án mở rộng quy mô, nâng công suất của cơ sở đang hoạt động trong tương lai. Chủ dự án phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường khi có thay đổi tăng công suất Hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu; chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp lại giấy phép môi trường.

3.9. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61/GPMT-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của
UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động vận hành máy móc, thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung và từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰’, múi chiều 3⁰):

STT	Tên nguồn phát sinh	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	551324,11	1825630,48
2	Máy phát điện dự phòng	551328,33	1825873,38

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ dự án phải kiểm tra định kỳ độ cân bằng của các máy móc và tình trạng mài mòn của các chi tiết đảm bảo máy vận hành ổn định, giảm tiếng ồn do sự va đập hoặc rung động không mong muốn.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên vận hành máy móc, thiết bị của dự án. Các máy móc thiết bị rung lớn đều được lắp đặt trên nền bê tông phẳng và chắc chắn, bằng bê tông.

Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên dự án theo quy hoạch để hạn chế tiếng ồn phát ra bên ngoài. Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị rung công suất lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61/GPMT-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	200
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 06	160
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp khác	17 02 04	50
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	120
6	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	120
7	Chất phụ gia thải có các thành phần nguy hại	03 02 09	20
8	Các loại dầu thủy lực thải	17 01 07	30
9	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
10	Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	24.960
	Tổng cộng		25.700

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Do tính chất dự án là đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, dự án không trực tiếp có hoạt động sản xuất công nghiệp nên hầu như không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường; chủ yếu phát sinh bùn cặn thu gom từ quá trình vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát nước của dự án.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2.808 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại phải được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Chủ dự án phải bố trí đầy đủ thùng chứa, bao bì và thiết bị chứa đựng CTNH trong khoảng thời gian lưu giữ CTNH tại dự án theo quy định.

Bao bì, thiết bị lưu chứa các loại chất thải nguy hại của dự án phải có mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo theo quy định. Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chủ dự án đã bố trí kho lưu giữ CTNH có diện tích 9,7 m²; chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ dự án phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế). Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

Bố trí đầy đủ số lượng thùng rác tại các khu vực phát sinh như nhà văn phòng, các tuyến đường nội bộ và điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được công nhân vệ sinh vận chuyển đến khu vực tập kết rác thải sinh hoạt theo hướng Đông Nam của khu công nghiệp.

Chủ dự án đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đối với bùn cặn thu gom từ quá trình vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thoát nước của khu công nghiệp, chủ dự án phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển theo đúng quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ dự án rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Chủ dự án phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Huế tổ chức tập huấn cho công nhân lao động về kiến thức và thực hành về công tác phòng, chống cháy nổ tại chỗ theo định kỳ (nếu có).

2. Sự cố hư hỏng máy móc thiết bị: Chủ dự án định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị; trường hợp phát hiện hư hỏng dừng ngay hoạt động sản xuất khi có sự cố để sửa chữa thiết bị./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 61 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án và các nội dung đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường. Thường xuyên thực hiện công tác vệ sinh, bảo đảm môi trường cảnh quan tại các tuyến đường thuộc phạm vi dự án. Định kỳ nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của dự án. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường tại các điểm xả khác không có trong Giấy phép môi trường dưới mọi hình thức.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

9. Nội dung thẩm định, cấp phép môi trường không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của chủ dự án liên quan đến mọi hoạt động trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành dự án theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan khác. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp bị phát hiện vi phạm, xử lý theo quy định của pháp luật./.